

Số: 11 /TB-TTPVHCC

Đắk Môn, ngày 03 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Niêm yết danh mục mức thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;

Căn cứ Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc việt nam, lệ phí quốc tịch;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu phí, lệ phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đắk Môn thông báo niêm yết danh mục thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính cụ thể như sau:

1. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/trường hợp)
a	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000

b	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	8.000
c	Đăng ký lại kết hôn	30.000
d	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000
đ	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	15.000
e	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
g	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, đăng ký hộ tịch khác	8.000

2. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/trường hợp)
a	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	75.000
b	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử	75.000
c	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn	1.500.000
d	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	75.000
đ	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
e	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	28.000
g	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác	75.000

3. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký khai tử tại khu vực biên giới

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/trường hợp)
-----------	-----------------	--------------------------------------

a	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh cho trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới còn mẹ hoặc cha là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú	8.000
b	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên	30.000

	giới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú	
c	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam, tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú	15.000
d	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử cho người chết là người nước ngoài cư trú tại xã ở khu vực biên giới	8.000
<i>*Lưu ý: Mức thu lệ phí hộ tịch khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến là 0 (không) đồng.</i>		

4. Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp.

TT	Nội dung	Cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Cấp lại, cấp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
1	Hộ kinh doanh	100.000	50.000
2	Hợp tác xã (bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã)	150.000	75.000
3	Liên hiệp hợp tác xã (bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã)	200.000	100.000
<i>* Lưu ý: Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 (không) đồng.</i>			

5. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

TT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)	
		Đất hoặc tài sản	Đất và tài sản
I	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
1	Cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt	33.000	40.000
2	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ		
a)	Đất tại các phường	162.000	200.000
b)	Đất tại các xã và đặc khu	130.000	160.000
3	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất <i>(bao gồm cấp đổi, cấp lại, cấp mới Giấy chứng nhận và xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp)</i>		
a)	Đất tại các phường	130.000	180.000
b)	Đất tại các xã và đặc khu	100.000	130.000
II	Đối với tổ chức		
1	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ	780.000	1.015.000
2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất <i>(bao gồm cấp đổi, cấp lại, cấp mới Giấy chứng nhận và xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp)</i>	767.000	988.000

6. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
A	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Đối với tổ chức		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất	Đồng/Giấy	100.000

		chứng nhận (GCN)	
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	500.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	500.000
2	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	30.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	20.000
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	100.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	75.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	75.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	60.000
II	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất		
1	Đối với tổ chức	Đồng/GCN	50.000
2	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất	Đồng/GCN	20.000
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	40.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	40.000
B	Trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính		

I	Đối với tổ chức	Đồng/văn bản	30.000
II	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư	Đồng/văn bản	10.000

7. Đối với Quy định mức thu phí, lệ phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Áp dụng theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Trên đây là Thông báo niêm yết mức thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đăk Môn./.

Nơi nhận:

- UBND xã (báo cáo);
- Niêm yết tại Trung tâm PVHCC xã;
- Niêm yết trên trang thông tin điện tử xã;
- Lưu VT, HCC.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Y Quyên

